

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2018/HSPT

Ngày: 23/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Huy Hiểu

Ông Nguyễn Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Yến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22, ngày 23/3/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/HSPT ngày 25/01/2018, đối với bị cáo Nguyễn Thị U, do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại, đối với bản án hình sự sơ thẩm số 100/2017/HSST ngày 15/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện K.

Bị cáo kháng cáo: Nguyễn Thị U, sinh năm 1968; Tên gọi khác: Không.

Nơi cư trú: thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương; Trình độ văn hoá: 06/10; Nghề nghiệp: Kinh doanh. Con ông: Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị M; Có chồng là Nguyễn Đức Đ (Đã ly hôn). Có 2 con, lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1988. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Hà Thu H và ông Cao Bá T, Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH CS; Địa chỉ: phố T, phường D, quận C, Hà Nội. (Có mặt).

Người bị hại:

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988.

ĐKKH: Thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương (hiện đã chết).

2. Cháu Đỗ Quang H, sinh năm 2009.

Trú quán: Thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện hợp pháp cho cháu H: Anh Đỗ Văn D, sinh năm 1984.
Trú quán: Thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương. (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại kháng cáo:

1. Anh Đỗ Văn D, sinh năm 1984
2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1958
3. Bà Trần Thị X, sinh năm 1958

Đều trú quán: Thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương. (Đều có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh D, ông Đ, bà X: Ông Đoàn Văn P, Luật sư thuộc văn phòng Luật sư M; Địa chỉ: phố L, quận Q, thành phố Hải Phòng. (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH S; Địa chỉ: thôn L, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 09 giờ ngày 27/01/2017, Nguyễn Thị U (có giấy phép lái xe ô tô hạng B2 do Sở GTVT tỉnh Hải Dương cấp ngày 13/5/2015, có giá trị đến ngày 13/5/2025), điều khiển xe ô tô, biển số 34A-ABC.YZ(xe đăng ký mang tên Công ty TNHH S do U làm Chủ tịch Hội đồng thành viên góp vốn 50%) đi từ thôn T, xã L, huyện K đến xã P, huyện K để rửa xe. Khoảng 9 giờ 30 cùng ngày khi đi đến ngã tư đường giao nhau cùng mức giữa đường liên xã L - tỉnh lộ 389B với đường liên thôn Đ đi cánh đồng thôn Đ thuộc thôn Đ, xã L và bị hạn chế tầm nhìn nhưng U không giảm tốc độ đến mức không nguy hiểm hoặc dừng lại một cách an toàn (*đã vi phạm Điều 12 của Luật giao thông đường bộ*). Nên đã để phần đầu xe ô tô bên phải do U điều khiển đâm vào xe mô tô, biển số: 34D1- IJK.ON(xe đăng ký mang tên chị Nguyễn Thị L) do chị Nguyễn Thị L điều khiển đi từ đường thôn Đ ra, chở cháu Đỗ Văn H, sinh năm: 2009 ngồi phía trước và chị Trần Thị Y, sinh năm: 1991, HKTT: thôn H, xã L, huyện K ngồi phía sau. Hậu quả chị L, cháu H bị thương được U cùng người dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa F và Bệnh viện V, đến 16 giờ 34 cùng ngày chị L chết. Hai phương tiện liên quan đến tai nạn bị hư hỏng.

Khám nghiệm hiện trường xác định: Đường liên xã là đoạn đường thẳng hai chiều, mặt đường trải nhựa apfan bằng, phẳng, hai bên lề đường không có biển báo hiệu, lòng đường rộng 3m70, lối mở vào khu dân cư thôn Đ rộng

4m60; khoảng tiếp giáp giữa lối mở đường liên xã đến đường vào khu dân cư Đ là 2m85; cột điện dân sinh nằm ở góc lối mở giữa đường vào khu dân cư thôn Đ với đường liên xã tại góc bên trái chiều từ thôn Đ ra; tiếp giáp cột điện là bức tường bao của gia đình ông G, cách mép đường 01m, cao 1m70. Lòng đường thôn Đ rộng 3m15, mặt đường trải bê tông bằng phẳng. Lấy tâm lối mở từ đường liên xã đi thôn Đ làm mốc, lấy chiều Thôn L đi tỉnh lộ 389B làm chiều phải trái. Từ điểm mốc cách 03m30 về phía tỉnh lộ 389B là đầu vết cà xước (1) hướng Thôn L đi tỉnh lộ 389B, có KT (5x1)cm, đầu vết cách mép đường phải 40cm, cuối vết cách mép đường phải 36cm. Từ cuối vết (1) về hướng tỉnh lộ 389B là đầu vết cà xước (2) hướng Thôn L đi tỉnh lộ 389B, có KT (9x5)cm, đầu vết (2) cách mép đường phải 55cm, cuối vết cách mép đường phải 50cm. Từ cuối vết (2) về phía tỉnh lộ 389B 02m là tâm trục trước bánh xe mô tô 34D1-21750, đổ nghiêng trái ngoài lòng đường, đầu xe hướng Thôn L, đuôi xe hướng tỉnh lộ 389B, tâm trục trước cách mép đường phải 01m05, tâm trục bánh sau cách mép phải 20cm. Từ tâm trục bánh sau xe mô tô cách 1m35 về phía tỉnh lộ 389B là tâm đám mảnh kính vỡ (4), KT(40x18)cm, tâm vết 4 cách ép đường phải 25cm. Trùng tâm vết (4) về phía mép trái đường là tâm vết máu (5) có KT(57x24)cm, cách mép đường phải 3m05. Từ tâm vết (5) về hướng tỉnh lộ 389B 1m50 là vết máu (6) có KT (44x44)cm, tâm vết cách mép phải 2m50.

Khám nghiệm xe ô tô biển số 34A-ABC.YZ màu sơn đỏ xác định: Biển số phía trước bị cong vênh chiều từ sau về trước, KT(16x12,5)cm. Cạnh trên biển số phía trước bên phải có vết trượt, cà xước, trên bề mặt còn bám dính dấu vết sơn màu xanh theo chiều từ trái qua phải KT(13x1,5)cm. Ốp nhựa phía trước đầu xe bên phải bị gãy tại điểm bắt ốc vít và bật khỏi vị trí ban đầu chiều sau về trước. Ba đèn xóc phía trước bên phải bị rách vỡ nhựa và xước chiều trái qua phải KT: 1m10x58m. Đèn xương mù bên phải và ốp nhựa bảo vệ bị nứt vỡ. Kính chắn gió phía trước bên phải bị nứt vỡ tạo nhánh về các phía KT:(99x79)cm, trên có bám dính tóc, cách mép kính bên phải 38 cm.

Khám nghiệm xe mô tô biển số 34D1- IJK.ON, sơn màu xanh, xác định: đầu chắn bùn phía trước bên phải có vết trượt, cà xước sơn chiều từ sau về trước KT(22x10)cm. Mặt ngoài giảm sóc bên trái có vết cà xước kim loại chiều sau về trước KT(18x1)cm, điểm gần nhất cách đất 29cm. Mặt nạ trước đầu xe bật khỏi vị trí ban đầu. Gương chiếu hậu bên trái bị cong gập về sau, ốp nhựa, gương bị vỡ. Cánh yếm trái bị nứt vỡ, KT (47x12)cm. Ốp nhựa phía trước vị trí để chân phía trước có vết nứt vỡ dài 44cm. Thân xe bên trái bị nứt vỡ theo chiều ngang

dài 06cm. Mặt dưới đế chân phía sau có vết cà xước kim loại và cao su KT(10x01)cm chiều sau về trước, trên xuống dưới. Phần kim loại tay cầm phía sau bên trái bị nứt vỡ theo chiều dọc dài 14cm. Ốp nhựa bảo vệ xin nhan phía sau bên trái bị nứt vỡ chiều dọc dài 06cm.

Tại kết luận giám định về pháp y số 21 ngày 06/02/2017 của Trung tâm pháp y Hải Phòng - Sở y tế Hải Phòng kết luận: chị Nguyễn Thị L bị đa chấn thương: chấn thương sọ não nặng, chấn thương ngực bụng kín, chấn thương vai trái vỡ xương bả vai trái, vỡ xương bánh chè trái. Nguyên nhân chết: bị tai nạn giao thông chết vì suy hô hấp, suy tuần hoàn cấp không hồi phục do đa chấn thương, chấn thương sọ não, chấn thương ngực bụng nặng.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 18/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: xe mô tô biển số 34D1- IJK.ON bị thiệt hại giá trị là 2.934.167 đồng.

Đối với thương tích của cháu Đỗ Văn H bị xây sát ngoài da nhẹ, anh Đỗ Văn D (là bố đẻ) đại diện theo pháp luật cho cháu H từ chối giám định. Chị Trần Thị Y không bị thương tích và không yêu cầu Nguyễn Thị U phải bồi thường về dân sự.

Đối với xe ô tô biển số 34A-ABC.YZ bị hư hỏng, ông Nguyễn Văn C đại diện Công ty TNHH S không yêu cầu Nguyễn Thị U phải bồi thường về dân sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 100/2017/HSST ngày 15/12/2017 của Toà án nhân dân huyện K đã áp dụng : Khoản 1 Điều 202; Điểm b,p,s khoản 1 và khoản 2 Điều 46; khoản 1,2 Điều 60 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Thị U 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, thời hạn được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường 100.639.169đ. Được đối trừ số tiền bị cáo U đã bồi thường 74.795.569đ, bị cáo U còn phải bồi thường tiếp số tiền 25.843.600đ.

Về việc cấp dưỡng: Buộc bị cáo Nguyễn Thị U phải cấp dưỡng tiền nuôi hai cháu Đỗ Quang H và cháu Đỗ Thanh C mỗi tháng mỗi cháu là 650.000đ do anh D đại diện nhận, tính từ tháng 01/2017 đến khi hai cháu H, C đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Ngoài ra bản án còn quyết định về biện pháp tư pháp, về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/12/2017 bị cáo U kháng cáo toàn bộ bản án, xác định không phạm tội vì không vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.

Ngày 28/12/2017 người đại diện hợp pháp của người bị hại là anh Đỗ Văn D, bà Trần Thị X, ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo toàn bộ bản án, xác định các cơ quan tiến hành tố tụng có vi phạm trong quá trình tố tụng, đề nghị tăng hình phạt, buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội và tăng bồi thường về phần nuôi con. Cụ thể đề nghị áp dụng mức lương tối thiểu vùng đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa bị cáo và những người đại diện hợp pháp của người bị hại vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Thị U khi tham gia giao thông qua đường giao nhau cùng mức và bị hạn chế tầm nhìn đã không giảm tốc độ đến mức không nguy hiểm hoặc dừng lại một cách an toàn (đã vi phạm Điều 12 của Luật giao thông đường bộ) nên đã dẫn đến va chạm với xe của chị L, hậu quả chị L bị chết, xe ô tô và mô tô bị hư hỏng. Do vậy bị cáo bị truy tố và xét xử về tội "*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*" là có căn cứ. Tuy nhiên trong vụ án này người bị hại cũng có lỗi là không giảm tốc độ và không quan sát khi qua đường giao nhau nên xác định nguyên nhân dẫn đến việc va chạm giữa 2 xe có 1 phần lỗi của người bị hại. Căn cứ thực tế thiệt hại xảy ra có cơ sở xác định mức độ lỗi của bị cáo là 70%, lỗi của người bị hại là 30%. Đề nghị tính khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 70 tháng lương tối thiểu x 1.300.000 đồng = 91.000.000 đồng + 22.639.000 đồng tiền mai táng phí, tiền thiệt hại về tài sản, tiền chi phí cứu chữa cho cháu H. Tổng = 113.639.000 đồng. Sau khi trừ 30% lỗi của chị L. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền là 79.547.300 đồng. Bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả là 74.795.569đ. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 4.571.700 đồng. Không có cơ sở chấp nhận áp dụng mức lương tối thiểu vùng đối với tiền cấp dưỡng nuôi con.

Xác định Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo ăn năn hối cải theo điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Về hình phạt: Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên có đủ điều kiện cho hưởng án treo.

Về việc vi phạm của các cơ quan tố tụng đã có bản giải trình gửi cho Hội đồng xét xử.

Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xác định không phạm tội. Không chấp nhận kháng cáo của những người đại diện hợp pháp của người bị hại nội dung đề nghị tăng hình phạt và tăng bồi thường cấp dưỡng nuôi con. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo về phần trách nhiệm dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền là 79.547.300 đồng. Bị cáo đã bồi thường , khắc phục hậu quả là 74.795.569đ . Bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 4.571.700 đồng. Buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm. Đề nghị tính lại về án phí dân sự sơ thẩm.

Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo: Xác định bị cáo không có lỗi mà lỗi hoàn toàn là của người bị hại. Chị L tham gia giao thông khi không có giấy phép lái xe, không đội mũ bảo hiểm, để cháu H ngồi phía trước nên khó điều khiển. Ngã tư giao nhau là đường chính và đường nhánh nên người bị hại phải có nghĩa vụ nhường đường cho bị cáo. Theo hồ sơ khám nghiệm hiện trường cho thấy xe của chị L đâm vào xe của bị cáo chứ không phải xe ô tô của bị cáo đâm vào xe của chị L. Do vậy việc truy tố và xét xử bị cáo về tội " *Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ* " là không đúng. Đề nghị xem xét lại về án phí dân sự.

Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho anh D: Xác định Tòa án cấp sơ thẩm không đưa chị Y vào tham gia tố tụng với tư cách là người bị hại là thiếu sót, đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Nguyễn Thị U là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S trong khi Nguyễn Thị U đang là bị cáo trong vụ án, như vậy là không khách quan. Các cơ quan tiến hành tố tụng có vi phạm nhưng bản án sơ thẩm lại nhận xét các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đã thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự là không đúng. Bản án sơ thẩm xác định người bị hại có lỗi nhưng không phân tích lỗi của người bị hại. Về tiền trợ cấp nuôi con đề nghị áp dụng mức lương tối thiểu vùng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo không trung thực nhưng bản án sơ thẩm vẫn cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là không đúng. Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo kháng cáo cho rằng tại thời điểm va chạm với xe của người bị hại bị cáo đã giảm tốc độ chỉ còn 15 đến 20 km/h nên không vi phạm về tốc độ, trong khi đó chị L đi xe với tốc độ cao và không nhường đường cho xe của bị cáo là xe đang tham gia giao thông ở đường chính nên đã đâm vào xe của bị cáo. Tuy nhiên không có căn cứ chứng minh trước khi xảy ra va chạm xe của bị cáo đi với tốc độ 15- 20 km/h. Trong khi đó theo lời khai của bị cáo xác định khi đi đến ngay đầu ngã tư thì xe của bị cáo đã va chạm với xe của người bị hại. Trên thực tế sau khi va chạm xe mô tô và chị L đã bị văng ra xa, trên sơ đồ hiện trường cũng không thể hiện có vết phanh xe. Điều này chứng tỏ khi tham gia giao thông tại thời điểm va chạm bị cáo đã không giảm tốc độ đến mức không nguy hiểm hoặc dừng lại một cách an toàn (đã vi phạm Điều 12 của Luật giao thông đường bộ). Bên cạnh đó xem xét các dấu vết va chạm giữa 2 xe cho thấy: Đối với xe ô tô phần ốp nhựa phía trước đầu xe bên phải bị gãy. Ba đèn xóc phía trước bên phải bị rách vỡ nhựa và xước chiều trái qua phải. Đèn xương mù bên phải và ốp nhựa bảo vệ bị nứt vỡ. Kính chắn gió phía trước bên phải bị nứt vỡ tạo nhánh về các phía, trên có bám dính tóc. Đối với xe mô tô: đầu chắn bùn phía trước bên phải có vết trượt, cà xước sơn chiều từ sau về trước Mặt ngoài giảm sóc bên trái có vết cà xước kim loại chiều sau về trước. Mặt nạ trước đầu xe bật khỏi vị trí ban đầu. Gương chiếu hậu bên trái bị cong gập về sau, ốp nhựa, gương bị vỡ. Cánh yếm trái bị nứt vỡ. Ốp nhựa phía trước vị trí để chân phía trước có vết nứt vỡ. Thân xe bên trái bị nứt vỡ theo chiều ngang. Điều này có căn cứ xác định điểm va chạm là sườn xe bên trái của xe máy chứ không phải là đầu bánh xe, nên bị cáo cho rằng xe của chị L đâm vào xe của bị cáo là không có căn cứ. Mặt khác qua xem xét sơ đồ hiện trường cũng như lời khai của bị cáo và những người làm chứng cho thấy nơi xảy ra va chạm là đường giao nhau và bị hạn chế tầm nhìn. Do vậy khi tham gia giao thông bị cáo phải giảm tốc độ, hoặc dừng lại để quan sát. Tuy nhiên do không giảm tốc độ đến mức không nguy hiểm và không quan sát nên bị cáo đã không làm chủ được tình huống, dẫn đến việc va chạm giữa 2 xe. Hậu quả làm chị L chết, xe mô tô biển số 34D1-217.50 bị thiệt hại giá trị là 2.934.167 đồng. Hành vi của bị cáo đã vi phạm Điều 12 của Luật giao thông đường bộ. Do vậy bị cáo bị cấp sơ thẩm truy tố và xét xử về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương

tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tuy nhiên trong vụ án này cần xác định người bị hại cũng có lỗi 1 phần, đó là không quan sát khi qua đường giao nhau và bị hạn chế tầm nhìn nên là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc va chạm với xe của bị cáo. Căn cứ vào mức độ lỗi của các bên cũng như hậu quả xảy ra xác định mức độ lỗi của bị cáo là 70%, mức độ lỗi của bị hại 30% như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương là có căn cứ.

[3] Đối với các lỗi của người bị hại về việc khi tham gia giao thông không có giấy phép lái xe, không đội mũ bảo hiểm.... Hội đồng xét xử thấy những vi phạm này thuộc lỗi hành chính, không phải nguyên nhân dẫn đến việc va chạm nên kháng cáo này của bị cáo không có cơ sở chấp nhận.

[4] Bị cáo kháng cáo không chấp nhận bồi thường số tiền 100.639.169đ như quyết định của bản án sơ thẩm mà chỉ chấp nhận hỗ trợ cho những người đại diện hợp pháp của người bị hại 75.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đề nghị xem xét về phân trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy như phân tích ở trên, do người bị hại cũng có 1 phần lỗi và xác định mức độ lỗi của người bị hại là 30%. Tòa án cấp sơ thẩm xác định người bị hại có lỗi 1 phần nhưng không trừ phần lỗi khi tính trách nhiệm dân sự cho bị cáo là thiếu sót. Tuy nhiên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm tính mức bồi thường về tổn thất tinh thần tương ứng với 60 tháng lương cơ sở là chưa phù hợp, cần buộc bị cáo phải bồi thường tiền tổn thất tinh thần là 70 tháng lương cơ sở. Cụ thể tiền thiệt hại về tài sản là: 2.934.169đ; tiền chi phí cứu chữa cho cháu H là 1.500.000đ; tiền chi phí mai táng: 18.205.000đ, tiền tổn thất tinh thần = 70 tháng lương cơ sở (1.300.000đ x 70 tháng) = 91.000.000đ. Tổng số tiền là 113.639.000 đồng. Sau khi trừ 30% lỗi của người bị hại. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền là 79.547.300 đồng. Trong đó số tiền tổn thất tinh thần bị cáo phải bồi thường cho anh D, cháu H, cháu C, ông Đ, bà X mỗi người là 12.740.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả là 74.795.569 đ. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 4.571.700 đồng. Do vậy nội dung kháng cáo này của bị cáo có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự: Về nội dung này không bị kháng cáo, kháng nghị nhưng xét thấy quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo là căn cứ. Cụ thể

trong vụ án này tại thời điểm xét xử bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình người bị hại tổng số tiền là 74.795.569đ (Trong đó trong quá trình điều tra là 24.795.569đ; tại phiên tòa là 50.000.000đ). Do vậy theo quy định tại điểm f khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo không phải chịu án phí đối với số tiền 24.795.569đ. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu án phí đối với số tiền này là không đúng. Hội đồng xét xử sửa về phần án phí dân sự cho phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Xét kháng cáo của những người đại diện hợp pháp của người bị hại. Về việc vi phạm của các cơ quan tiến hành tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ cho thấy cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã có sự nhầm lẫn và sai sót trong quá trình tố tụng, nhưng việc vi phạm này không ảnh hưởng đến bản chất cũng như nội dung của vụ án. Tuy nhiên các cơ quan tiến hành tố tụng trên cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[7] Xem xét nội dung kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa chị Y vào tham gia tố tụng với tư cách là người bị hại, Hội đồng xét xử thấy sau khi va chạm chị Y chỉ bị xây sát nhẹ và ngay trong quá trình điều tra chị Y đã có quan điểm không yêu cầu bồi thường, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định chị Y không phải là người bị hại là có căn cứ. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm đưa bị cáo U vào tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện của Công ty TNHH S trong khi Nguyễn Thị U cũng là bị cáo trong vụ án là chưa khách quan, nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[8] Đối với kháng cáo về việc Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là không đúng, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều khai rõ quá trình va chạm với xe của người bị hại. Sau khi tai nạn xảy ra bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 74.795.569đ. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có quan điểm theo nhận thức bị cáo cho rằng không phạm tội, tuy nhiên nếu có căn cứ xác định bị cáo phạm tội thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật. Việc bị cáo khai báo toàn bộ diễn biến sự việc cũng như bồi thường, khắc phục hậu quả đã thể hiện 1 phần ý thức chấp hành pháp luật, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Nội dung kháng cáo này của những người đại diện hợp pháp của người bị hại không có căn cứ.

[9] Về nội dung kháng cáo đề nghị áp dụng mức lương tối thiểu vùng để tăng tiền trợ cấp nuôi con, Hội đồng xét xử thấy theo quy định của pháp luật không qui định đối với tiền trợ cấp nuôi con được áp dụng theo mức lương tối thiểu vùng. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lương cơ sở theo pháp luật hiện hành để buộc bị cáo phải trợ cấp nuôi con cho 2 con của anh D, chị L là có căn cứ.

[10] Về nội dung kháng cáo tăng hình phạt và đề nghị cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, Hội đồng xét xử thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, có nhiều thành tích xuất sắc trong quá trình công tác. Quá trình xảy ra hành vi phạm tội người bị hại cũng có lỗi 1 phần. Bị cáo được hưởng 4 tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 03 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy đối chiếu với các quy định tại Điều 60 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 01/2013/NQ- HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo, đồng thời vẫn đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, sự khoan hồng của Nhà nước. Nội dung kháng cáo này không có cơ sở chấp nhận.

[11] Từ phân trên cho thấy có căn cứ chấp nhận 1 phần nội dung kháng cáo của các đại diện hợp pháp của người bị hại, chấp nhận 1 phần kháng cáo của bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d, điểm e Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận 1 phần kháng cáo của anh D, ông Đ, bà X về nội dung xác định cơ quan tiến hành tố tụng có vi phạm về thời hạn tiến hành tố tụng. Không chấp nhận kháng cáo về nội dung đề nghị tăng hình phạt và tăng bồi thường về tiền cấp dưỡng nuôi con đối với bị cáo.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị U về phần trách nhiệm dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về tội danh. Giữ nguyên quyết định về hình phạt và tội danh đối với bị cáo Nguyễn Thị U. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 100/2017/HSST ngày 15/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện K về phần trách nhiệm dân sự và án phí dân sự như sau:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 202; Điểm b,p,s khoản 1; khoản 2 Điều 46; khoản 1,2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

3. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị U 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, thời hạn được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội " *Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*".

Giao bị cáo Nguyễn Thị U cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách (*Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự*).

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589, Điều 591 Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị U phải bồi thường về việc chi phí chiếu chụp cho cháu H là 1.500.000đ; tiền thiệt hại về tài sản (chiếc xe máy) là 2.934.167đ; tiền chi phí mai táng là 18.205.000đ; tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho anh D, cháu H, cháu C, ông Đ, bà X mỗi người là 12.740.000 đồng. Tổng số tiền là 79.547.300 đồng.

Được đối trừ số tiền bị cáo U đã bồi thường là 74.795.569đ, bị cáo U còn phải bồi thường tiếp là 4.571.700 đồng (anh D đại diện nhận).

Về việc cấp dưỡng: Buộc bị cáo Nguyễn Thị U phải cấp dưỡng tiền nuôi hai cháu Đỗ Quang H, sinh ngày 01/02/2009 và cháu Đỗ Thanh C, sinh ngày 23/3/2013 mỗi tháng mỗi cháu 650.000đ (Do anh D đại diện nhận) tính từ tháng 01/2017 đến khi hai cháu H, C tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, anh D (người đại diện) có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo U không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tuyên trả cho Công ty TNHH S chiếc xe ô tô biển số 34A-ABC.YZ cùng các giấy tờ xe; Tuyên trả cho anh D chiếc xe mô tô biển số 34D1- IJK.ON cùng giấy tờ xe và tuyên trả cho bị cáo U giấy phép lái xe ô tô theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/10/2017 tại Chi cục thi hành dân sự huyện K.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu nộp án phí và lệ phí Tòa án

buộc bị cáo U phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng và 2.737.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị U phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện K;
- Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền